TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/STDS
Ngày: 09/9/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hương Giang và ông Đào Văn Hoàn;

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST - DS ngày 17/6/2024 về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST - DS ngày 17/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2024/QĐST-DS ngày 10/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đào Huy H, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1963; cư trú: thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thu: ông Đào Huy H, sinh năm 1956; cư trú: thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh H (*Theo giấy uỷ quyền ngày 10/5/2024*).

Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1971; cư trú: thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Tại phiên tòa có mặt ông H, bà B và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện**, bản tự khai, lời khai và hoà giải nguyên đơn trình bày*: Ngày 11/6/2011 dương lịch (tức ngày 10/5/2011 âm lịch), bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn C có hỏi vay ông bà tiền; lúc đó ông bà gửi tại Ngân hàng lãi suất là 1,2%/tháng nên vợ chồng bà B đề xuất với ông bà cho ông bà ấy vay 235.000.000đ với lãi suất 2%/tháng, ông bà nghĩ có lãi hơn Ngân hàng 1 chút nên hai bên đã thống nhất mức lãi 2%/tháng, cam kết trả trong thời hạn 10 ngày khi ông bà có yêu cầu. Sau nhiều lần đòi nợ ông C bà B đã trả được tổng 95.000.000đ tiền gốc, chưa trả lãi, cụ thể các lần trả gốc như sau:

- Ngày 07/11/2011 (tức ngày 12/10/2011 âm lịch) trả 40.000.000đ.
- Ngày 02/12/2011 (tức ngày 08/11/2011 âm lịch, ghi nhầm ngày 09 âm) trả 30.000.000đ.
- Ngày 30/12/2011 trả 10.000.000đ.
- Ngày 12/4/2012 (tức ngày 22/3/2012 âm lịch) trả 15.000.000đ.

Kể từ ngày 13/4/2012 trở đi mặc dù ông bà đã đòi nhiều lần nhưng ông C bà B không trả thêm, nợ gốc vẫn còn 140.000.000đ. Ngày 22/4/2024 ông bà gửi Thông báo đòi nợ đến ông C bà B, chờ mãi không thấy ông C bà B trả nợ nên ngày 13/6/2024 ông bà quyết định nộp đơn khởi kiện yêu cầu: ông C bà B phải trả nợ gốc 140.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/4/2012 đến 15/4/2024. Theo thoả thuận thì lãi suất là 2%/ tháng tương đương 24%/năm, tuy nhiên ông bà chỉ tính lãi 20%/năm (tương đương 1,666%/tháng) nên tiền lãi phát sinh đến ngày 15/4/2024 là (20%x 140.000.000đ)x12 năm = 336.000.000đ. Tiền lãi phát sinh sau ngày 15/4/2024 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán. Đến ngày 21/6/2014 (tức ngày 16/5/2024 âm lịch) ông C bà B trả thêm 10.000.000đ. Dư nợ gốc còn 130.000.000đ, ông bà yêu cầu ông C bà B phải trả và trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Thông báo yêu cầu trả tiền đề ngày 18/4/2024; bản gốc giấy vay tiền và trả nợ.

***Tại lời khai**, hoà giải, ông Nguyễn Văn C và bà Vũ Thị B xác nhận*: ngày 10/5/2011 âm lịch ông bà có vay của bà T ông H 235.000.000đ để làm ăn; hai bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng, khi nào ông H bà T cần tiền thì báo trước 10 ngày. Cùng ngày ông bà nhận tiền, bà B viết giấy biên nhận. Ông bà xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên Vũ Thị B, Nguyễn Văn C trong giấy biên nhận đúng là chữ ký và chữ viết của ông bà. Về số tiền đã trả và thời gian trả như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông bà đã trả lãi được 3 tháng đầu tiên là tháng 6,7,8/2011; mỗi tháng trả 4.700.000đ; sau đó vì khó khăn nên ông bà không trả được nữa và xin khất trả dần; giấy tờ trả lãi ông bà không có để giao nộp. Nay ông bà xác nhận còn nợ tiền gốc 130.000.000đ và có trách nhiệm trả dần; ông bà xin không

phải trả tiền lãi vì vỡ nợ rất khó khăn. Nếu vợ chồng ông H không cho lãi thì đề nghị giải quyết về tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nguyên đơn bị đơn thống nhất xác nhận về nợ gốc; riêng tiền lãi không thống nhất được; bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: các đương sự thống nhất được số tiền gốc còn nợ là 130.000.000đ; tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử (09/9/2024) là 260.071.875đ và mức lãi suất tiếp tục phải trả cho đến khi trả hết nợ là 13,5%/năm; không thống nhất được phương thức trả nợ.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng: Việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Huy H và bà Vũ Thị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469 BLDS 2015; Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: yêu cầu ông Nguyễn Văn C bà Vũ Thị B phải trả ông Đào Huy H, bà Vũ Thị T số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

- Công nhận sự thoả thuận của ông Đào Huy H, bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn C, về việc: ông C và bà B có nghĩa vụ trả cho ông H và bà T tổng số 390.071.875đ (trong đó 130.000.000đ tiền gốc và 260.071.875đ tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 09/9/2024) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ (mức lãi suất 13,5%/năm) tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền chậm trả.

* Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi được miễn án phí dân sự theo quy định, bà Vũ Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Ông Đào Huy H, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí với phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Thẩm quyền giải quyết:* ông H bà T khởi kiện ông C, bà B hiện nay đang cư trú sinh sống tại thôn M, xã Đ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[1.2]. *Quan hệ pháp luật*: từ mối quan hàng xóm, vợ chồng ông H cho vợ chồng bà B vay 235.000.000đ. Việc thỏa thuận tiền vay gốc, lãi suất và thời hạn trả được thể hiện trong giấy vay tiền ngày 11/6/2011 phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 là hợp đồng vay tài sản (tiền) không xác định thời hạn và có lãi. Vợ chồng ông H đã nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng bà B vẫn chưa trả hết nên vợ chồng ông H khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tranh chấp giữa ông H bà T và bà B ông C là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.3]. *Thời hiệu khởi kiện*: Do hợp đồng vay giữa hai bên là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tiền bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay 1 khoảng thời gian hợp lý, hai bên đã thống nhất trả tiền vay trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có yêu cầu. Ngày 22/4/2024 vợ chồng ông H đã gửi thông báo đòi nợ nhưng vợ chồng bà B vẫn không trả, nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, vợ chồng ông H khởi kiện. Đối chiếu Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì thời hiệu khởi kiện của vợ chồng ông H được tính từ ngày 03/5/2024; theo giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số 30/GXN-TA ngày 13/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng thì yêu cầu khởi kiện của ông H bà T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi 130.000.000đ tiền gốc*, HĐXX thấy rằng: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà, ông C bà B đều thừa nhận có vay của ông H bà T 235.000.000đ vào ngày 11/6/2011, đã trả được 105.000.000đ, nay còn nợ ông H bà T tiền gốc 130.000.000đ. Việc xác nhận này phù hợp với đơn khởi kiện của ông H bà T. Như vậy việc cho vay tiền là sự thỏa thuận giữa các bên, tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; hai bên có giấy biên nhận. Vợ chồng ông H đã có thông báo đòi nợ từ ngày 22/4/2024, đã hết 10 ngày theo thoả thuận nhưng bà B ông C vẫn không trả; như vậy vợ chồng bà B đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật

dân sự. Ông H bà T khởi kiện yêu cầu bà B ông C phải trả 130.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[2.1]. *Xét việc Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi*:

Quá trình thu thập chứng cứ bà B ông C trình bày đã trả tiền lãi được 3 tháng (tháng 6,7,8/2011), mỗi tháng 4.700.000đ nhưng ông bà không có tài liệu chứng minh, trong khi ông H bà T không thừa nhận. Do đó không có căn cứ chứng minh ông C bà B đã trả ba tháng tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện, ông H bà T yêu cầu về mức lãi suất đã có sự thay đổi so với mức lãi suất hai bên thoả thuận tại giấy biên nhận vay ngày 11/6/2011; nhưng tại phiên toà các bên thống nhất: tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (09/9/2024) là 260.071.875đ; ông C bà B tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 13,5%/năm kể từ sau ngày xét xử đến khi ông C bà B trả hết nợ (tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả). Xét việc thống nhất này của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về phương thức trả nợ:* tổng số tiền bà B ông C phải trả (tính đến ngày xét xử) là 390.071.875đ; vợ chồng ông H yêu cầu trả ngay 1 lần; vợ chồng bà B xin trả dần vì hiện tại gia đình đang khó khăn, phải trả nợ nhiều chỗ khác. Do các bên không thống nhất được phương thức trả nên HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

[4]. **Về án phí**: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Cụ thể vợ chồng bà B phải trả 390.071.875đ; án phí bà B ông C phải chịu là: 19.503.593đ; mỗi người phải chịu 9.751.796đ. Ông C là người cao tuổi được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 477 năm 2005; Điều 429; Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 469 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn (ông Đào Huy H và bà Vũ Thị T);

Công nhận sự thoả thuận của ông Đào Huy H, bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn C: ông Nguyễn Văn C và bà Vũ Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Đào Huy H và bà Vũ Thị T tổng số 390.071.875đ (trong đó 130.000.000đ

tiền gốc và 260.071.875đ tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 09/9/2024) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ (mức lãi suất 13,5%/năm) tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền chậm trả.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C; bà Vũ Thị B phải chịu 9.751.796đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/9/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *VKSNDH Cẩm Giàng;*
- *Chi cục THADS H Cẩm Giàng;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ, lưu VP.*

TM. Hội Đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thuý